CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM

VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

****

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2015

Báo cáo thường niên này được cung cấp tại:

CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM
VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: 15 Lê Hồng Phong, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
Điện thoại: (84-0511) 3822832 - Fax: (84-0511) 3834984

Đà Nẵng, tháng 4/2016

I/ THÔNG TIN CHUNG:
1. Thông tin khái quát
2. Quá trình hình thành và phát triển
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
4.1. Mô hình quản trị
4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý
4.3. Các công ty con , công ty liên kết
5. Định hướng phát triển
5.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2016 - 2018
5.2. Chiến lược phát triển trung hạn
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM
1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
1.1. Những thay đổi chính trong năm
1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 so với mục tiêu
2. Tổ chức và nhân sự
2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong ban điều hành
2.2. Thay đổi BĐH trong năm
2.3. Nguồn nhân lực
3. Tình hình tài chính
3.1. Tình hình tài chính
3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông
4.1. Cổ phần đang lưu hành
4.2. Cơ cấu cổ đông
4.3. Thay đổi sở hữu của cổ đông nội bộ và cổ đông lớn trong năm.
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2015.
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY
* Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY
1. Hội đồng quản trị
1.1. Vai trò và hoạt đông của HĐQT
1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT
1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý
2. Ban Kiểm soát
2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát
2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát
3.Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH
1. Ý kiến kiểm toán
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG
NĂM 2015

I/ THÔNG TIN CHUNG :

1. Thông tin khái quát :

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số : 3203001458, ngày 01/06/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Đà Nẵng cấp.
- Vốn điều lệ : 99.000.000.000đồng
- Địa chỉ : 15 Lê Hồng Phong - Thành phố Đà Nẵng
- Số điện thoại : (84-0511) 3822 832 – 3562 509
- Số Fax : (84-0511) 3822 338 – 3834 984
- Website : http://www.coxiva.com.vn
- Mã cổ phiếu : DXV

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần VICEM VLXD Đà Nẵng tiền thân là Công ty Vật tư xây dựng số 2. Được thành lập theo quyết định số : 503/BXD-TCCB, ngày 28/10/1975 của Bộ Xây dựng.

Công ty chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/06/2007 theo giấy phép đăng ký kinh doanh số : 3203001458 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Đà Nẵng cấp ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 12/6/2008 , thay đổi lần thứ 2 vào ngày 18/6/2010, thay đổi lần thứ 3 vào ngày 14 tháng 10 năm 2011 , thay đổi lần thứ 4 vào ngày 09 tháng 11 năm 2011, thay đổi lần thứ 5 vào ngày 06 tháng 02 năm 2013, thay đổi lần thứ 6 vào ngày 06 tháng 6 năm 2013, thay đổi lần thứ 7 vào ngày 05 tháng 5 năm 2014, thay đổi lần thứ 8 vào ngày 10 tháng 6 năm 2015.

Ngày 24/01/2008 Sở giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định số: 16/QĐ-SGDHCM về việc chấp thuận đăng ký niêm yết cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Vật liệu Xây dựng Xây lắp Đà Nẵng trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh. Mã chứng khoán: DXV, Số lượng cổ phiếu niêm yết là: 9.900.000 cổ phiếu với tổng giá trị là 99.000.000.000 đồng (Mệnh giá: 10.000.đồng/ 1 cổ phiếu).

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh :

Hoạt động của công ty hiện nay chủ yếu là kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD như gạch nung tuynen, sản xuất vỏ bao xi măng , bao bì các loại.

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế, nhu cầu xi măng tại địa bàn Công ty kinh doanh từ Đà Nẵng trở vào đến các tỉnh Tây Nguyên, với kinh nghiệm hàng chục năm kinh doanh xi măng và các loại VLXD, hiện nay Công ty đang kinh doanh xi măng và các loại VLXD như gạch nung tuynen, các loại bao bì có hiệu quả.

Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng được đầu trang thiết bị hiện đại của Áo, công suất 25 triệu vỏ bao/năm, Xí nghiệp gạch An Hoà với lò nung gạch tuynen công suất 30 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm, Nhà máy gạch Lai Nghi với công suất 15 triệu viên quy tiêu chuẩn / năm.

Các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh của Công ty hiện nay là :

- Kinh doanh xi măng, sản xuất và kinh doanh các loại VLXD khác ;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại ;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng ;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng ;

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

4.1. Mô hình quản trị:

MÔ HÌNH CƠ CẤU TỔ CHỨC SXKD
CÔNG TY CỔ PHẦN VICEM VLXD ĐÀ NẴNG

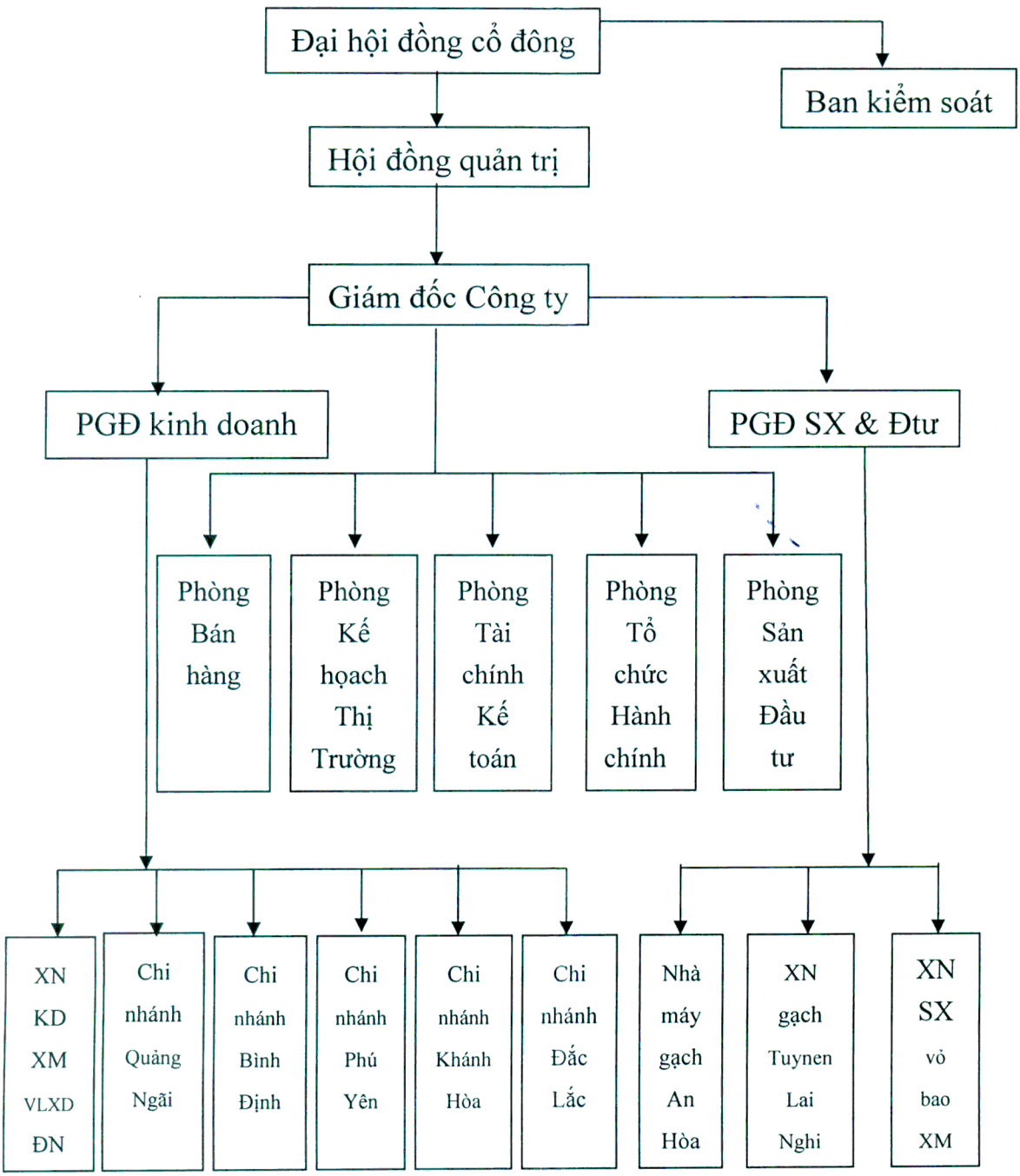

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý:

DXV có trụ sở chính tại thành phố Đà Nẵng với mạng lưới chi nhánh phủ rộng khắp các tỉnh miền Trung và Tây Nguyên bao gồm: Chi nhánh, Trạm của Công ty tại các tỉnh, thành phố :

Đà Nẵng, Quảng Nam,Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Khánh Hòa, Gia Lai - Kontum, Đắc lắc.

4.3. Các công ty có liên quan và công ty con: Hiện công ty có các đơn vị trực thuộc gồm:

- Nhà máy Gạch An Hòa;
- Xí nghiệp Gạch Tuynen Lai Nghi;
- Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao xi măng Đà Nẵng;
- Xí nghiệp Kinh doanh xi măng VLXD Đà Nẵng

5. Định hướng phát triển :

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2016 - 2018:

**** Định hướng sản phẩm kinh doanh trong thời gian đến***: Công ty tập trung vào một số hoạt động chính như sau:

- Kinh doanh xi măng VICEM như: Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Hải Vân,...
- Sản xuất & kinh doanh VLXD (gạch tuynen, vỏ bao xi măng, bao bì các loại..)
- Kinh doanh bất động sản (kinh doanh kho bãi, nhà xưởng, văn phòng,...)

5.2. Chiến lược phát triển trung hạn :

tt	Chỉ tiêu	ĐVT	2016	2017	2018
1	Kinh doanh xi măng	Tấn	500.000	550.000	600.000
2	Sản xuất VLXD				
	- Gạch xây các loại	*1000v QTC*	*40.000*	*42.000*	*45.000*
	- Vỏ bao xi măng	*1000 vỏ*	*26.200*	*28.000*	*30.000*
3	Kinh doanh khác (thuê kho bãi)	Triệu đồng	2.100	2.100	2.100
4	Doanh thu	Triệu đồng	822.191	904.000	994.000

Để đạt được các chỉ tiêu chiến lược đề ra, Công ty cần tập trung như sau:

+ Kinh doanh xi măng:

- Củng cố hệ thống nhà phân phối, mở rộng địa bàn mới, tăng cường quyền lợi cho khách hàng.
- Đẩy mạnh tiêu thụ các thương hiệu mạnh VICEM trên thị trường theo định hướng của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.
- Khai thác nguồn xi măng tại chỗ và các nguồn có phương tiện vận tải thuận lợi.
- Duy trì cơ chế phối hợp thị trường theo quy định của Tổng Công ty.
- Đề nghị các nhà sản xuất có chính sách bán hàng linh hoạt theo thị trường.

+ Sản xuất VLXD:

- Nhà máy Gạch An Hòa, Xí nghiệp gạch Tuynen Lai Nghi : tiếp tục củng cố hệ lò nung, sấy ...
- Ổn định nguồn lao động trong dây chuyền công nghệ để đảm bảo sản lượng, tăng cường nguồn lao động cho công tác thị trường và bán hàng.
- Ổn định nguồn đất sét nung cho quá trình sản xuất.
- Hệ thống kênh phân phối: củng cố và duy trì mở rộng địa bàn .
- Đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy công suất 25triệu cái/năm.

+ Liên doanh liên kết đầu tư bất động sản:

- Tiếp tục khai thác cơ sở vật chất hiện có của Công ty để cho thuê kho bãi, văn phòng làm việc.

+ Kế hoạch lao động và đào tạo:

- Tiếp tục thực hiện công tác quy hoạch cán bộ, luân chuyển cán bộ kết hợp với đào tạo và đào tạo lại để củng cố nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Củng cố năng lực của đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ chuyên môn nghiệp vụ của công ty đến các đơn vị về các kỹ năng quản lý tài chính, sản xuất, kinh doanh, thị trường, nhân sự, công tác đầu tư,...
- Bố trí hợp lý nhân sự tại các phòng ban, đơn vị, chi nhánh theo hướng người có kinh nghiệm về chuyên môn và những người mới, nhằm bổ sung kiến thức mới cho người có kinh nghiệm và chia sẻ kinh nghiệm cho những người mới tiếp nhận công việc.
- Tuyển dụng một số vị trí mới đảm bảo tính kế thừa cho đội ngũ lớn tuổi nghỉ hưu và phù hợp với nhu cầu lao động của Công ty. Tập trung tuyển dụng nhân sự cho nhà máy sản xuất nhất là đội ngũ kỹ sư, cử nhân và công nhân đưa đi đào tạo.
- Tăng cường công tác đào tạo theo hướng nâng cao chất lượng đào tạo và đào tạo mang tính chuyên nghiệp, nhất là đào tạo nghiệp vụ chuyên môn, tập trung đào tạo chuyên sâu cho cán bộ thị trường về sản phẩm xi măng và sản xuất; đào taok quản lý cho cán bộ trung và cao cấp. Tiếp tục đào tạo, quy hoạch bồi dưỡng phát triển lực lượng trẻ, bổ sung cho cán bộ quản lý của Công ty.
- Sử dụng tiền lương là đòn bẩy kinh tế, trả lương đúng với chất xám và sức lao động đóng của góp từng người lao động để ổn định tâm lý người lao động, mỗi người đều yên tâm công tác, cống hiến hết mình cho công ty, nâng cao năng suất lao động, đảm bảo chất lượng sản phẩm.

+ Kế hoạch về tài chính:

- Sử dụng nguồn vốn quỹ đầu tư phát triển, khấu hao,.. của công ty hiện có.
- Tăng cường kiểm soát chặt chẽ chi tiêu, thực hiện tiết kiệm các chi phí trực tiếp sản xuất, chi phí lưu thông, chi phí quản lý trên cơ sở những định mức và dự trù được duyệt.

+ Các công cụ hỗ trợ khác:

- Tiếp tục triển khai các phần mềm công nghệ thông tin báo cáo theo chiến lược chung của Vicem.
- Công tác môi trường: Tạo ra môi trường lao động tốt, vệ sinh môi trường, trồng cây xanh nhằm tạo môi trường sản xuất xanh, sạch, đẹp và tăng cường công tác quản lý môi trường.
- Xây dựng văn hóa Công ty.
- Tận tâm phục vụ khách hàng, tôn trọng quyền lợi của khách hàng thông qua việc hoàn thiện hệ thống tiêu thụ và các dịch vụ hỗ trợ.
- Đảm bảo hài hòa các lợi ích: người lao động và cổ đông, tôn trọng và tạo điều kiện cho người lao động phát huy khả năng.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

1/ Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

1.1. Những thay đổi chính trong năm:

- Các lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty đều được duy trì hoạt động ổn định đúng theo định hướng phát triển.
- Đảm bảo tình hình tài chính của Công ty lành mạnh; có đủ nguồn vốn đáp ứng nhu cầu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư của Công ty.
- Khởi động tiến trình cải cách, tái cấu trúc, thay đổi phương thức kinh doanh, phương thức điều hành trong toàn hệ thống.
- Thay đổi phương thức Marketing và xác định mức độ đầu tư thỏa đáng cho marketing và kênh phân phối để đóng vai trò quyết định trong việc tạo ra lợi thế cạnh tranh của DXV.

- Từng bước cơ cấu, chấn chỉnh lại hệ thống kênh phân phối.
- Góp phần bình ổn thị trường xã hội, duy trì được việc làm và thu nhập ổn định cho gần 400 lao động, đồng thời hoàn thành nghĩa vụ đóng góp cho ngân sách nhà nước.

1.2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2015 so với kế hoạch:

tt	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2015	Thực hiện 2015	Thực hiện (%)
1	Tổng doanh thu	Tỉ đồng	739,263	541,806	73
2	Sản lượng				
	- Xi măng	*Tấn*	*400.000*	*267.133*	*67*
	- Gạch nung (QTC)	*Tr. Viên*	*38,00*	*42,823*	*113*
	- Vỏ bao xi măng	*Tr. Cái*	*29,00*	*24,294*	*84*

2. Tổ chức và nhân sự:

2.1. Tóm tắt lý lịch của các cá nhân trong Ban điều hành:

2.1.1 Hội đồng quản trị : ***Gồm 05 thành viên.***

1) Bà: Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch HĐQT - Sinh năm: 1962

- Quê quán: Xã Phổ Khánh, Huyện Đức Phổ, Quảng Ngãi.
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế Ngoại Thương
- Quá trình công tác:

+ Tháng 3/1985 - 8/1988: Liên đoàn địa chất - Tổng Cục Địa chất.
+ Tháng 10/1988 - 3/1990: Trung Tâm Thông tin tư liệu - Tổng Cục Địa chất.
+ Tháng 3/1990 - 9/1998: Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty Xi măng Việt Nam.
+ Tháng 10/1998 - 8/2001: Phó trưởng phòng XNK Thiết Bị - Công ty XNK Xi măng
+ Tháng 9/2001- 1/2010: Phó Giám đốc Công ty XNK Xi măng - Tổng Công ty XNK Xi măng
+ Tháng 2/2010- đến nay: Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty CN Xi măng Việt nam

- Chức vụ hiện tại: Chủ tịch HĐQT Công ty CP VicemVLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

2) Ông: Nguyễn Duy Diễn – TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Hiệp, Mộ Đức, Quảng Ngãi
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1983 - 1985: Công tác tại Công ty cung ứng vật tư số 2
+ Từ 1985 - 1995: Công tác tại phòng kế hoạch thị trường - Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
+ Từ 1995 - 1998: Công tác tại Nhà máy gạch An Hoà thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
+ Từ 1999 - 31/5/2015: Công tác tại phòng Kế hoạch thị trường, phó giám đốc, Giám đốc Công ty.
+ Từ 01/6/2015: Tổng Công ty điều động đến nhận nhiệm vụ tại Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân và thôi tham gia HĐQT Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

3) Ông: Nguyễn Hòa Nam – TV HĐQT - Sinh năm: 1972

- Quê quán: Triệu Thành, Triệu Phong, Quảng Trị
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế
- Quá trình công tác:

+ Từ 1993 - 1995: Nhân viên Phòng Vật tư Kinh doanh - Xí nghiệp Liên doanh XM Hoàng Thạch.
+ Từ 1996 - T9/1996: Nhân viên Phòng cung ứng - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T10/1997 - T10/1998: Nhân viên Phòng Kế hoạch - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T11/1998 - T01/2001: Phó Phòng Kế hoạch - Tiếp thị - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T02/2001 - T10/2002: Phó Phòng Kế hoạch - Tin học - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T11/2002 - T4/2007: Trưởng Phòng Kinh tế - Kế hoạch - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T5/2007 - T3/2008: Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty xi măng Hải Vân.
+ Từ T4/2008 - T5/2015: Phó Giám đốc Kinh doanh - Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân.
+ Từ T6/2015 - đến nay : Giám đốc Công ty cổ phần Vicem VLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT - Giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

3) Ông: Hồ Ngãi -TV HĐQT - Sinh năm: 1958

- Quê quán: Bắc Mỹ An, Tp Đà Nẵng
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Xây dựng
- Quá trình công tác:
  + Từ 1978 - 1984: Cán bộ kỹ thuật Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 1984 - 1999: Phó phòng XDCB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 1999 - 2002: Trưởng phòng XDCB Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 2003 đến nay: Phó giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng
- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT – Phó Giám đốc Công ty.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

4) Ông: Phạm Thanh Bình - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Ân Tín, Hoài Ân, Bình Định
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Silicat, Kỹ sư điện kỹ thuật
- Quá trình công tác:
  + Từ 1985 - 1995: Cán bộ phụ trách kế hoạch - kỹ thuật XN đá ốp lát và xây dựng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 1995 đến 2003: Phó phòng kỹ thuật sản xuất Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 2004 - 4 /2004: Phó giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng .
  + Từ 4/2004 - 7/2004: Quyền giám đốc XN sản xuất bao bì xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 7/2004 - 12/2004: Phó giám đốc phụ trách XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
  + Từ 12/2004 - T9/2014: Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng thuộc Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng (nay là Công ty cổ phần)
  + Từ 9/2014 đến 31/12/2015 : Phó Giám đốc Công ty kiêm Giám đốc XN sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

5) Bà: Nguyễn Thị Thanh Thuỷ - TV HĐQT - Sinh năm: 1961

- Quê quán: Đức Yên, Đức Thọ, Hà Tĩnh
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - Tài chính Kế toán
- Quá trình công tác:
  + Tháng 6 - 12/1984: Nhân viên kế toán – Công ty cung ứng vật tư số 2 - BXD - tại Đà Nẵng.

+ Tháng 1/1985 - 6/1986: Nhân viên kế toán - Công ty XM VLXD số 2 - tại Đà Nẵng.
+ Tháng 7/1986 - 6 /1996: Phụ trách kế toán XN đá ốp lát và vật liệu trang trí - Xí nghiệp kinh doanh xi măng Đà Nẵng trực thuộc Công ty XMVLXD số 2 (nay là Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng)
+ Tháng 7/1996 - 3/1997: Nhân viên kế toán Công ty Xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
+ Tháng 4/1997 - 7/2002: Phó phòng kế toán Công ty Xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
+ Tháng 8/2002 - 8/2003: Trưởng phòng kế toán Công ty Xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
+ Tháng 9/2003 đến nay - Kế toán trưởng Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng

- Chức vụ hiện tại: UV HĐQT - Kế toán trưởng Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Trưởng ban Kiểm soát Công ty CP Đá Xây dựng Hòa Phát.

2.1.2. Ban Giám đốc, Kế toán trưởng: gồm có 04 thành viên.

a. Giám đốc: Nguyễn Hòa Nam

b. Phó Giám đốc phụ trách đầu tư XDCB: Hồ Ngãi

c. Phó Giám đốc phụ trách kinh doanh : Phạm Thanh Bình

d. Kế toán trưởng: Nguyễn Thị Thanh Thuỷ

2.1.3.* Ban kiểm soát: *gồm 03 thành viên.

a. Bà: Hà Hải Yến – Sinh năm: 1975
- Quê quán: Thanh Thịnh, Thanh Chương, Nghệ An
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế - kế toán tài chính
- Quá trình công tác:
  + Từ 1995-2004: Kế toán tổng hợp Công ty xi măng Hoàng Thạch
  + Từ 2005-2007: Phó phòng kế toán Công ty xi măng Hoàng Thạch
  + Từ 2008 : Phó phòng Kế toán Tổng Công ty CN XM Việt Nam
- Chức vụ hiện tại: Trưởng ban Kiểm Soát Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

b. Ông Nguyễn Văn Cường - Sinh năm: 1978
- Quê quán: Quảng Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  + Từ 6/2003 - 14/10/2015: Chuyên viên Phòng KH-TT Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng.
  + Từ 15/10/2015 đến nay : Phó Phòng Bán hàng Công ty Vicem VLXD Đà Nẵng.
- Chức vụ hiện tại: Thành viên BKS Công ty
- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không

c. Ông Trần Minh Hoàng - Sinh năm: 1961
- Quê quán: Đồng Hới, Quảng Bình
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác:
  + Từ 4/1984 đến 9/2002: Công tác tại Công ty CP Xi măng VLXD XL Đà Nẵng.
  + Từ 10/2002 đến 4/2008: Công tác tại Công ty Xi măng Hải Vân.
  + Từ 5/2008 – 10/2012: Công tác tại phòng TCHC - Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.

+ Từ 11/2012 - đến nay: Phó phòng TCHC - Công ty CP Viecm VLXD Đà Nẵng.

- Chức vụ hiện tại: Phó Phòng Tổ chức hành chính – Thành viên BKS Công ty

- Chức vụ đang nắm giữ ở các tổ chức khác: Không.

2.2. Thay đổi BĐH trong năm:

- Từ tháng 01 - 5/2015 : ông Nguyễn Duy Diễn : Giám đốc Công ty - UV HĐQT

Từ tháng 6/2015 thôi giữ chức vụ Giám đốc Công ty và UV HĐQT để nhận nhiệm vụ Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.

- Từ tháng 6/2015 : ông Nguyễn Hòa Nam : Giám đốc Công ty CP Viecm VLXD Đà Nẵng - Ủy viên HĐQT.

2.3. Lương, thưởng BĐH: Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT và Ban kiểm soát, tổng thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký HĐQT năm 2015 là 252 triệu đồng.

2.4. Nguồn nhân lực:

- Tổng số công nhân viên hiện có đến cuối năm 2015 là : 334 người. Trong đó:

Nội dung	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
Số lao động (người)	334	339	
Trên đại học	1	1	
Đại học	57	62	
Cao đẳng	5	5	
Trung cấp	26	27	
Lao động nữ	132	134	
Thu nhập BQ (ng/đồng)	6.148.000	6.300.000	

2.5. Chính sách đối với người lao động:

- Với phương châm " *Nhân viên là tài sản và là người bạn đồng hành trên con đường thành công và phát triển của Doanh nghiệp*", DXV luôn quan tâm đến sự phát triển nguồn nhân lực đặc biệt là những nhân viên xuất sắc, có năng lực và nhiệt huyết đóng góp. Mục tiêu trở thành nhà cung cấp chính cho thị trường miền Trung và Tây nguyên, Công ty cần có sự đồng hành và cống hiến từ những con người năng động, nhiệt huyết. Một số chính sách rõ ràng, chế độ cạnh tranh và công tác quản trị nguồn nhân lực hiện quả là mục tiêu mà tập thể ban điều hành Công ty hướng đến.

- *Chế độ làm việc*: Công ty tổ chức làm việc 8h/ngày, từ thứ hai đến thứ 6 hàng tuần. Nếu Công ty có yêu cầu người lao động làm thêm giờ thì người lao động sẽ được bố trí nghỉ bù hoặc thanh toán tiền lương và phụ cấp theo quy định của Nhà nước.

- *Nghỉ phép, lễ, Tết*: Nhân viên được nghỉ Lễ và Tết theo quy định của Bộ lao động và được hưởng nguyên lương. Những nhân viên làm việc từ 12 tháng trở lên được nghỉ phép 12 ngày mỗi năm. Người lao động có thể nghỉ phép 01 lần trong năm hoặc trải đều các tháng trong năm.

- *Nghỉ ốm, thai sản*: Công ty thực hiện đúng các quy định về Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế và các quy định hiện hành của Nhà nước về nghỉ ốm. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định và được hưởng trợ cấp Bảo hiểm xã hội thay lương. Công ty vẫn thực hiện chi trả lương cho người lao động khi người lao động nghỉ làm việc trong thời gian bị ốm đau, thai sản (năm ngoài chế độ bảo hiểm do nhà nước chi trả).

- *Điều kiện làm việc:* Văn phòng làm việc khang trang, thoáng mát. Công ty trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động, vệ sinh lao động, các nguyên tắc an toàn lao động được tuân thủ nghiêm ngặt. Công ty cam kết xây dựng cho tất cả CBCNV môi trường làm việc chuyên nghiệp, thân thiện để CBCNV phát huy hết khả năng và sức sáng tạo của mình.

- Đảm bảo việc làm cho người lao động: Để giải quyết việc làm cho người lao động, Ban Giám đốc Công ty đã có những biện pháp như luôn tích cực, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh, tiếp cận thị trường, đề ra những biện pháp đổi mới trong sản xuất kinh doanh, tăng cường mối quan hệ với các đơn vị trong và ngoài Vicem nhằm mở rộng địa bàn tiêu thụ, SXKD đảm bảo cho người lao động có việc làm liên tục, ổn định và nâng cao đời sống.

- Chế độ lương và các khoản phụ cấp:

+ Đối tượng: áp dụng cho tất cả bao gồm Ban điều hành và người lao động tại Công ty.

+ Tiền lương: bao gồm lương chức danh và các khoản phụ cấp và lương làm thêm giờ.

* Lương chức danh: Xác định theo vị trí công việc. Trong năm, công ty đã điều chỉnh các mức lương chức danh phù hợp với vị trí công việc.

* Phụ cấp: Bao gồm các khoản phụ cấp sau: ăn trưa, điện thoại di động (Ban điều hành, trưởng phó phòng ban và nhân viên thị trường),...

+ Chế độ thưởng: Nhằm khuyến khích động viên CBCNV trong Công ty gia tăng hiệu quả đóng góp vào kết quả chung, Công ty có chính sách thưởng thiết thực, phúc lợi đảm bảo đầy đủ. Ngoài tiền lương, CBCNV trong công ty được thưởng thêm và được trích từ khen thưởng từ quỹ lương của Công ty theo năng suất hoàn thành kế hoạch đã đề ra.

- Chính sách phúc lợi:

+ Bảo hiểm xã hội,bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp: công ty tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm cho tất cả CBCNV theo quy định của Nhà nước. Trong năm, Công ty đã thực hiện đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động đúng quy định với số tiền 5.423.151.330 đồng.

+ Khám sức khỏe hàng năm: Tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2015 cho người lao động theo từng địa bàn của Công ty.

+ Du lịch, nghỉ mát hàng năm: Tổ chức theo từng bộ phận lao động tham quan, du lịch trong nước với nguồn kinh phí công đoàn và phúc lợi của Công ty.

+ Nhân viên Công ty khi gặp khó khăn đột xuất, ma chay, hiếu hỉ hay đau ốm, thành hôn,... đều được Công đoàn quan tâm thăm hỏi và giúp đỡ.

+ Nghỉ phép, nghỉ Lễ, Tết hàng năm: theo chế độ quy định.

- Tổ chức công đoàn: Công đoàn công ty hoạt động tích cực nhằm tạo điều kiện cho CBCNV Công ty được nâng cao đời sống tinh thần và sức khỏe. Công ty thường xuyên thực hiện khen thưởng cho con CBCNV trong Công ty có thành tích học tập tốt, chi thưởng cho CBCNV vào các dịp Lễ, Tết,...

- Công ty cam kết các chính sách đối với người lao động trong Công ty là nhất quán và luôn hướng tới người lao động để tạo đội ngũ nguồn nhân lực được phát triển toàn diện, chuyên nghiệp và gắn bó lâu dài vì mục tiêu chung của Công ty.

- Lập quỹ hỗ trợ người lao động: tạo điều kiện cho người lao động trong những lúc khó khăn đột xuất có điều kiện được vay ưu đãi không phải trả lãi suất.

- Chính sách tuyển dụng:

+ Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút nhân sự có năng lực vào làm việc tại Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng kinh doanh. Công ty có hệ thống quy chế về tuyển dụng đào tạo. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn riêng. Song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng yêu cầu cơ bản như: trình độ chuyên môn, tốt nghiệp đúng chuyên ngành, khả năng thích ứng công việc, năng động, nhiệt tình, ham học hỏi, có ý thức sáng tạo. Đối với các vị trí quan trọng, các yêu cầu tuyển dụng khá khắt khe, với các tiêu chuẩn bắt buộc về kinh nghiệm công tác, khả năng phân tích, quản lý và trình độ ngoại ngữ, tin học,.... Ngoài lực lượng sẵn có tại đơn vị, Công ty cũng chú trọng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng cao để ngày càng phát triển bộ máy nhân sự đáp ứng kịp thời đòi hỏi của quá trình cạnh tranh và phát triển.

- Chính sách thu hút nhân tài: Công ty có chính sách lương, thưởng xứng đáng với cống

hiến chất xám, đặc biệt đối với nhân viên giỏi và có nhiều kinh nghiệm trong các lĩnh vực liên quan, một mặt để giữ chân nhân viên lâu dài, mặt khác để thu hút lao động có năng lực từ nhiều nguồn khác nhau về làm việc cho Công ty.

- *Chính sách đào tạo*: Công ty coi con người là tài sản quý giá nhất của Doanh nghiệp và để phát huy hiệu quả nguồn vốn quý này, Công ty kết hợp chặt chẽ vấn đề đào tạo về chuyên môn, nghiệp vụ và tạo cơ hội phát triển cho nhân viên, luôn tạo điều kiện cho nhân viên tham gia các khóa huấn luyện nội bộ, nghiên cứu thị trường trong và ngoài Vicem nhằm đáp ứng nhu cầu công việc hiện tại cũng như trong tương lai của Công ty. Công ty còn thực hiện việc lập quỹ đào tạo để tạo điều kiện cho người lao động học thêm nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ.

3. Tình hình tài chính:

3.1. Tình hình tài chính:

(ĐVT : đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	% 2015/2014
Tổng giá trị tài sản	160.518.656.902	192.053.780.173	83,58
Doanh thu thuần	534.520.354.637	690.723.428.050	77,39
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.853.286.041	-11.018.906.481	
Lợi nhuận khác	2.304.039.716	17.481.482.558	13,18
Lợi nhuận trước thuế	6.157.325.757	6.462.576.077	95,28
Tỷ lệ LNST	2%	1%	

3.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

tt	Các Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2014	Ghi chú
1	**Chỉ tiêu về khả năng thanh toán**			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn	2,69	1,89	
	TSLĐ/Nợ ngắn hạn			
	- Hệ số thanh toán nhanh	1,91	1,56	
	(TSLĐ- Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn			
2	**Chỉ tiêu về cơ cấu vốn**			
	- Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0,31	0,43	
	- Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0,44	0,78	
3	**Chỉ tiêu về năng lực hoạt động**			
	- Vòng quay hàng tồn kho	15,20	25,04	
	Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân			
	- Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	3,33	3,00	
4	**Chỉ tiêu về khả năng sinh lời**			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,01	0,01	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,04	0,04	
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,02	0,02	
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,01	(0,02)	

4. Vốn cổ phần và cơ cấu cổ đông:

4.1. Cổ phần đang lưu hành:

- Cổ phần phổ thông đang lưu hành:

Năm	Đvt	Đã lưu ký	Chưa lưu ký	Cộng
Năm 2014	Cp	9.848.700	51.300	9.900.000
Năm 2015	Cp	9.849.700	50.300	9.900.000

4.2.Cơ cấu cổ đông năm 2015: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 20/3/2015 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10.000 VND/01 cổ phiếu):

		Cá nhân	Tổ chức	Tổng cộng
Trong nước	Cổ đông	653	6	659
	Cổ phần	3.298.830	6.559.510	9.858.340
Nước ngoài	Cổ đông	13	1	14
	Cổ phần	26.410	15.250	41.660
Tổng cộng	Cổ đông	666	7	673
	Cổ phần	3.325.240	6.574.760	9.900.000

+ Danh sách cổ đông ngoài nắm giữ trên 5%: không có

+ Danh sách cổ đông có tỷ lệ sở hữu cổ phần lớn nhất đến ngày 20/3/2015.

Stt	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ %
1	Tổng Công ty CN xi măng Việt Nam	228 Lê Duẩn -Hà Nội	6.514.700	65,80

+ Danh sách cổ đông nắm giữ từ 1 - 5%: Theo báo cáo tổng hợp của trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp số lượng và cơ cấu vốn cổ đông đến ngày 20/3/2015 như sau (mã chứng khoán của Công ty : DXV, mệnh giá giao dịch 10 000 VND/01 cổ phiếu):

Tên cổ đông	Ngày cấp	Quốc tịch	CP nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu
Ngô Đại Dương	27/3/2007	Việt Nam	185.000	1,86%
Phạm Tuấn Hà	04/5/2001	Việt Nam	355.830	3,59%
Phạm Mỹ Hằng Phương	29/9/2007	Việt Nam	151.090	1,53%
Đỗ thị Thu Hà	11/7/1999	Việt Nam	290.480	2,93%
Nguyễn Văn Súy	28/7/2009	Việt Nam	157.720	1,59%

* Tỉ lệ phần trăm là tỉ lệ số cổ phần sở hữu trên tổng số cổ phần của Công ty.

4.3. Thay đổi sở hữu của CĐ nội bộ và CĐ lớn trong năm:

- Có thay đổi về sở hữu của cổ đông nội bộ trong năm do thay đổi Giám đốc Công ty từ ngày 01/6/2015.

- Tỷ lệ sở hữu cổ phần của thành viên HĐQT và BKS trong năm không thay đổi, theo sở hữu và ủy quyền của Tổng Công ty Công Nghiệp Xi măng Việt Nam.

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Năm 2015	Tỷ lệ (%)
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch HĐQT	2.475.000	25,00
2	Nguyễn Hòa Nam	TV HĐQT	1.982.200	20,02
3	Hồ Ngãi	TV HĐQT	695.800	7,02
4	Nguyễn Thị Thanh Thủy	TV HĐQT	871.700	8,80
5	Phạm Thanh Bình	TV HĐQT	2.100	0,02
6	Hồ Hải Yến	Trưởng BKS	495.000	5,00

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC :

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh :

Trong năm 2015, Công ty triển khai nhiệm vụ SX-KD với những đặc điểm như sau:

**** Thuận lợi:***

- Trong bối cảnh còn nhiều khó khăn nhưng nền kinh tế Việt Nam đã có dấu hiệu khởi sắc; GDP năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014. Mức tăng trưởng này cao hơn mục tiêu 6,2% đề ra và cao hơn các mức tăng trưởng của các năm từ 2011 - 2014.

- Công ty tiếp tục nhận được sự chỉ đạo và giúp đỡ kịp thời của Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam và các Công ty xi măng Hoàng Thạch, Bỉm Sơn, Hải Vân..

- Thị trường gạch nung trên địa bàn Công ty kinh doanh đã có sự chuyển biến mạnh, nhu cầu thị trường tăng lên.

- Các đơn vị sản xuất và kinh doanh trực thuộc Công ty đã có sự chuẩn bị tốt cho việc triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: ổn định thiết bị, công nghệ sản xuất; nguyên vật liệu chính; lao động; tăng cường mở rộng thị trường…

**** Khó khăn:***

- Thị trường vỏ bao xi măng đã có sự dịch chuyển sang vỏ bao PP dán đáy.

- Thị trường xi măng trên địa bàn cung tiếp tục vượt cầu, các thương hiệu xi măng giá thấp tiếp tục đưa vào thị trường tạo ra sự cạnh tranh ngày càng quyết liệt với xi măng VICEM mà Công ty đang kinh doanh.

- Thị trường tiêu thụ xi măng Hoàng Thạch ở các địa bàn : Bình Định, Khánh Hòa, Đắc Lắc ... tiếp tục bị đan xen tạo nên sự cạnh tranh nội bộ gay gắt.

*** Kết quả đạt được:**

Từ đặc điểm tình hình trên, nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2015 đạt được như sau:

	Mục tiêu chủ yếu	ĐVT	Mục tiêu 2015	Thực hiên 2015	% thực hiện
1/	Tổng doanh thu	Tỉ đồng	739,263	541,806	73
2/	Sản lượng hàng hóa				
	- Xi măng	Tấn	400.000	267.133	67
	-Vỏ bao xi măng	Triệu cái	29,00	24,294	84
	-Gạch nung QTC	Triệu viên	38,00	42,82	112
3/	Nộp ngân sách	Tỉ đồng	8,289	10,359	122
4/	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	6,481	6,157	95

Trong quá trình điều hành, Ban giám đốc Công ty đã triển khai đầy đủ và kịp thời các nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty trong các lãnh vực sản xuất, kinh doanh và đầu tư, cụ thể như sau:

**** Trong kinh doanh xi măng:***

- Có chính sách giá bán, chiết khấu ...linh hoạt từng địa bàn, phù hợp với quy định của nhà sản xuất và diễn biến trên thị trường.

- Tiếp tục củng cố hệ thống bán hàng theo hướng khuyến khích gia tăng về quy mô, hạn chế cạnh tranh về giá bán nhằm duy trì quyền lợi của hệ thống bán hàng.

- Công tác quản lý tài chính thường xuyên được củng cố, tăng cường kiểm tra, kiểm soát , kiểm kê định kỳ.

- Thực hiện các biện pháp giảm chí phí bán hàng, chi phí qua kho nhằm đảm bảo hiệu quả

kinh doanh.

- Thực hiện báo cáo nhanh hiệu quả kinh doanh, phân tích, đánh giá hoạt động của nhà phân phối hàng tháng nhằm có chính sách hỗ trợ kịp thời cho khách hàng.

**** Trong sản xuất VLXD:***

- Tiếp tục mở rộng thị trường vỏ bao với các khách hàng ngoài VICEM, đồng thời có giải pháp nâng cao năng lực sản xuất đáp ứng được yêu cầu khách hàng trong mùa tiêu thụ cao điểm. Trong năm không xảy ra tình trạng phải xử lý chất lượng sản phẩm cho khách hàng, duy trì tốt công tác an toàn lao động, phòng chống cháy nổ. Đồng thời đơn vị đã có giải pháp tiết kiệm hạt nhựa tạo sợi , hạt nhựa tráng màng so với định mức được giao.

- Triển khai các giải pháp cạnh tranh của sản phẩm gạch nung tại An Hòa và Lai Nghi như: tăng tỉ lệ sản phẩm A/AB, tăng sản lượng sản phẩm gạch đặc…

**** Công tác đầu tư :***

- Chuẩn bị đầu tư dây chuyền vỏ bao PP dán đáy tại Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng Đà Nẵng với công suất 25 triệu vỏ/năm.

2. Tình hình tài chính:

- Tài sản tài chính: Trong năm 2015, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của công ty bao gồm: tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và tài sản tài chính khác.

- Nợ phải trả tài chính: Trong năm 2015, nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác.

3. Mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016:

Căn cứ vào tình hình thị trường, khả năng sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016 của Công ty, Ban giám đốc Công ty dự kiến phương án sản xuất kinh doanh và đầu tư năm 2016 như sau:

*** Doanh thu**: Tổng doanh thu: 824,291 tỉ đồng tăng 144% so năm 2015

*** Sản lượng tiêu thụ:**

- Xi măng : 500.000 tấn tăng 187% so năm 2015.
- Gạch nung (QTC): 40 triệu viên đạt 89% so năm 2015.
  - *+ An Hòa: 27 triệu viên.*
  - *+ Lai nghi: 13 triệu viên.*
- Vỏ bao xi măng: 26,2 triệu cái tăng 108% so năm 2015.

*** Đầu tư :** Triển khai đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy tại Xí nghiệp sản xuất vỏ bao Đà Nẵng.

*** Kết quả sản xuất kinh doanh:**

- Lợi nhuận trước thuế : 6,960 tỉ đồng.

*** Một số biện pháp chủ yếu thực hiện mục tiêu năm 2016:**

a/ Kinh doanh xi măng:

- Chủ động, tích cực khai thác phương tiện vận chuyển để đưa hàng từ các Nhá máy và Trạm nghiền về các địa bàn kinh doanh, đáp ứng kịp thời và hợp lý theo yêu cầu của khách hàng.

- Kiện toàn, củng cố hệ thống bán hàng. Chú trọng phát triển, mở rộng nhà phân phối tiêu thụ xi măng Hải Vân ở địa bàn Đà Nẵng.

- Khai thác lợi thế từng thương hiệu VICEM trên các địa bàn nhằm tăng sức cạnh tranh với các thương hiệu xi măng khác.

- Tăng cường kiểm tra, quản lý an toàn tiền - hàng, nâng cao vòng quay vốn.

b/ Sản xuất VLXD:

- Mở rộng thị trường vỏ bao trong và ngoài VICEM, đáp ứng kịp thời yêu cầu khách hàng về chủng loại, mẫu mã…Có kế hoạch chuẩn bị dự trữ hạt nhựa, giấy, sợi, vải mành...ở mức hợp lý nhằm đảm bảo công suất tối đa trong mùa tiêu thụ quý II, quý III.

- Củng cố và mở rộng thị trường sản phẩm gạch nung Tuynel tại thị trường Quảng Nam và Đà Nẵng.

- Triển khai các biện pháp tiết kiệm trong sản xuất như : giảm định mức tiêu hao vật tư chủ yếu than, điện, giấy, hạt nhựa…;chi phí quản lý, chi phí bán hàng nhằm duy trì được hiệu quả sản xuất.Có biện pháp giảm tỉ lệ phế liệu trong công đoạn tráng màng in ống tại Xí nghiệp sản xuất vỏ bao Đà Nẵng.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

**** Về hiệu quả hoạt động của Công ty và Ban điều hành:***

- Hội đồng quản trị công ty được bầu gồm 05 thành viên, trong đó có 04 thành viên làm kiêm nhiệm trong công tác quản lý và điều hành tại công ty và 01 thành viên là quản lý tại Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam nên việc chỉ đạo điều hành thực hiện nghị quyết của Hội đồng quản trị Công ty luôn bám sát tình hình thực tế của Công ty và định hướng chung của Tổng Công ty.

- Thị trường xi măng cung cấp tiếp tục vượt cầu, nên cạnh tranh ngày càng quyết liệt; sự cạnh tranh về giá bán diễn ra gay gắt.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

1. Hội đồng quản trị :

Hội đồng quản trị có 05 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Có 01 thành viên là Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam và 04 thành viên là ban lãnh đạo công ty.

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 02 thành viên là CBCVN công ty.

Trong thời gian qua, các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát đã hoàn thành trách nhiệm và công việc của mình, không có mâu thuẫn về quyền lợi và lợi ích với Công ty.

Thù lao của các thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát được thực hiện đúng theo Nghị quyết đại hội cổ đông thường niên năm 2015 thông qua ngày 18/4/2015.

Trong thời gian qua không có giao dịch cổ phiếu nào của Công ty liên quan đến thành viên HĐQT và Ban Kiểm soát.

1.1. Vai trò và hoạt động của HĐQT:

Trong năm qua, Hội đồng quản trị Công ty đã tiến hành họp trực tiếp 7 phiên với những vấn đề quan trọng của Công ty đã được bàn thảo và quyết định tại các phiên họp của Hội đồng quản trị Công ty bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 và các nghị quyết tại các phiên họp của Hội đồng quản trị, trên cơ sở tình hình thực tế của Công ty đề ra các biện pháp thực hiện nhiệm vụ quý, 6 tháng cuối năm, ...kiểm điểm những mặt làm được, những mặt còn hạn chế trong điều hành.

- Thống nhất hoàn thiện và Ban hành Quy chế công nợ của Công ty.

- Giải quyết những tồn tại trong việc chuyển giao Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh cho Công ty CP xi măng Hà Tiên.

- Điều chỉnh chi phí phát sinh của Ban Quản lý Dự án Nhà máy Cam Ranh.

- Thống nhất đầu tư dây chuyền sản xuất vỏ bao PP dán đáy.

- Thay đổi nhân sự đại diện ủy quyền quản lý phần vốn của Vicem tại Công ty theo Quyết định của Hội đồng Thành viên Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam.

- Giải tỏa cổ phiếu hạn chế giao dịch tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.
- Thống nhất sửa đổi Quy chế hoạt động của HĐQT Công ty.
- Giao Giám đốc Công ty xây dựng Phương án tái cơ cấu tổ chức.
- Ban hành Quyết định tạm ngừng hoạt động các Chi nhánh của Công ty tại các địa bàn Miền trung và Tây Nguyên.

Việc tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị theo đúng quy định tại điều lệ Công ty, các cuộc họp trực tiếp của Hội đồng quản trị Công ty đều có chương trình, thời gian, địa điểm và các vấn đề sẽ thảo luận và quyết định tại cuộc họp. Cuộc họp không trực tiếp (hình thức lấy ý kiến bằng văn bản) để thông qua các quyết định để được Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Những vấn đề được Hội đồng quản trị bàn thảo và quyết định tại cuộc họp đều được ghi lại bằng biên bản; các quyết định của Hội đồng quản trị đều được ban hành bằng Nghị quyết triển khai trong toàn Công ty và lưu trữ theo quy định.

1.2. Việc tổ chức thực hiện theo ủy quyền các quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT:

Ngày 18/4/2016, Hội đồng quản trị Công ty đã tổ chức Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 theo đúng quy định của pháp luật và điều lệ Công ty từ các công việc chuẩn bị Đại hội, triệu tập Đại hội, thực hiện các chương trình đề ra trong Đại hội.

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 đã hoàn thành với chương trình nghị sự thông qua gồm 10 nội dung mà Hội đồng quản trị đã có Nghị quyết số: 528/NQ-ĐHĐCĐ, ngày 18/4/2015 thông báo với các cổ đông.

- Hội đồng quản trị Công ty đã thống nhất lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty là Công ty TNHH Kiểm toán An Phú(sau đổi tên thành Công ty TNHH Kiểm toán An Việt do sự sát nhập giữa 2 Công ty An Phú và Việt Anh).

1.3. Công tác giám sát đối với Giám đốc điều hành và cán bộ quản lý:

Hội đồng quản trị Công ty thực hiện việc giám sát đối với Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý Công ty thông qua chế độ báo cáo thường kỳ, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao tại các cuộc họp hoặc báo cáo đột xuất khi có yêu cầu.

Năm 2015, Ban giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý đã thực hiện được đầy đủ các chức năng nhiệm vụ theo quy định tại điều lệ công ty; thường xuyên bám sát kế hoạch sản xuất kinh doanh và đầu tư của công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị để đề ra các biện pháp điều hành để thực hiện mục tiêu đã được Đại hội thông qua, thực hành tiết kiệm trong sản xuất kinh doanh của Công ty.

1.4. Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty năm 2016:

- Trên cơ sở vai trò, vị trí, chức năng của Hội đồng quản trị Công ty được xác định tại điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị Công ty sẽ triển khai chỉ đạo thực hiện các mục tiêu năm 2016 được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.
- Đảm bảo hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty theo đúng pháp luật, điều lệ, nghị quyết của Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Tiếp tục duy trì sự đoàn kết, phối hợp giữa các thành viên trong Hội đồng quản trị.
- Thường xuyên duy trì chương trình họp Hội đồng quản trị Công ty theo định kỳ và đột xuất khi có yêu cầu để đề ra các nghị quyết nhằm triển khai thực hiện tốt các mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 thông qua.
- Thường xuyên giám sát Ban Giám đốc, và các cán bộ quản lý tiếp tục nâng cao năng lực quản lý điều hành đang sản xuất kinh doanh

2. Ban Kiểm soát :

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm soát :

Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ 05 năm. Trong 03 thành viên có 01 thành viên là Phó phòng Tài chính kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam, 02 thành viên là CBCVN Công ty.

2.2. Hoạt động của Ban Kiểm soát:

- Ban kiểm soát đã duy trì việc hoạt động kiểm tra giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong điều hành hoạt động kinh doanh, trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Ban giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty.

**** Kết quả giám sát tình hình hoạt động kinh doanh và báo cáo tài chính năm 2015 :***

1.Tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

tt	MỤC TIÊU CHỦ YẾU	ĐVT	MỤC TIÊU 2015	THỰC HIỆN 2015	%THỰC HIỆN
I	Doanh thu và thu nhập khác	Tỉ đồng	739,263	541,806	73
II	Sản lượng tiêu thụ				
1	Xi măng	Tấn	400.000	267.133	67
2	Vỏ bao	1.000c	29.000	24.294	84
3	Gạch nung QTC	1.000v	38.000	42.820	112
4	Nộp ngân sách	Tỉ đồng	8,289	10,359	122
5	Lợi nhuận trước thuế	Tỉ đồng	6,481	6,157	95

- Đối với kinh doanh xi măng:

Năm 2015 thị trường xi măng khu vực 'cung' vượt xa so với 'cầu' nên cạnh tranh càng quyết liệt, các thương hiệu xi măng giá thấp đã tăng cường đưa vào thị trường địa bàn gia tăng sự cạnh tranh với xi măng mà Công ty đang kinh doanh.

- Đối với sản xuất và tiêu thụ gạch nung và vỏ bao: trong tình hình giá nguyên nhiên vật liệu đầu vào như: hạt nhựa, xăng, dầu, điện… đều tăng làm ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty; Xí nghiệp sản xuất vỏ bao xi măng và Nhà máy gạch An Hòa đã tăng cường công tác quản lý, giám sát khâu nhập nguyên liệu đầu vào, đảm bảo ổn định chất lượng, thực hiện tốt định mức tiêu hao vật tư góp phần hạ giá thành sản phẩm, hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Đối với công tác đầu tư: Tiếp tục thực hiện công tác quyết toán Dự án xi măng Cam Ranh và giải quyết các vấn đề còn tồn đọng trong việc chuyển nhượng dự án cho Công ty CP xi măng Vicem Hà Tiên 1 .

2. Tình hình tài chính năm 2015 :

* Một số chỉ tiêu tài chính tóm tắt năm 2015 như sau:

ĐVT: Đồng

tt	Nội dung	31/12/2015	31/12/2014
A	**Tài sản**	**160.518.656.902**	**192.053.780.173**
1	**Tài sản ngắn hạn**	**132.143.214.642**	**159.441.220.482**
	Tiền và các khoản tương đương tiền	29.808.810.925	24.159.978.676
	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	20.000.000.000
	Các khoản nợ phải thu	61.222.589.333	84.093.012.581
	Hàng tồn kho	38.044.647.296	27.504.615.718
	Tài sản ngắn hạn khác	3.067.167.088	3.683.613.507
2	**Tài sản dài hạn**	**28.375.442.260**	**32.612.559.691**
	Tài sản cố định	28.212.080.329	32.158.003.786
	Tài sản dài hạn khác	109.525.931	320.059.354
B	**Nguồn vốn**	**160.518.656.902**	**192.053.780.173**
1	**Nợ phải trả**	**49.196.578.526**	**84.293.293.578**
	Nợ ngắn hạn	49.161.578.526	83.927.981.264
	Nợ dài hạn	35.000.000	365.312.314
2	**Nguồn vốn chủ sở hữu**	**111.322.078.376**	**107.760.486.595**
	Nguồn vốn đầu tư của chủ sở hữu	99.000.000.000	99.000.000.000
	Vốn khác của chủ sở hữu	725.357.511	725.357.511
	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	0	0
	Quỹ đầu tư phát triển	16.096.851.573	16.096.851.573
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(4.500.130.708)	(8.061.722.489)

- Việc thực hiện báo cáo tài chính theo chế độ kế toán và chuẩn mực kế toán. Báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán An Việt.

- Số liệu báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, hợp lý trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính, kế toán của Công ty.

3. Thù lao của Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2015:

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2015, Công ty đã chi thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm 2015 là : 252.000.000đ (Hai trăm năm mươi hai triệu đồng chẵn)

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:

1. Ý kiến kiểm toán độc lập :

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 10/03/2016 gồm Bảng Cân đối kế toán

tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như đã nêu tại thuyết minh số 30 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính: Thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, ngày 20/06/2013, Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản về việc bổ sung Biên bản bàn giao tài chính ngày 11/10/2012 với giá trị tài sản bàn giao và nguồn vốn thực hiện tạm tính là 477.981.239.681 đồng. Ngày 18/08/2015, hai Công ty tiếp tục ký Biên bản bàn giao tài chính bổ sung lần 2 về việc bàn giao tài chính bổ sung cho hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư nói trên với tổng giá trị bàn giao đợt này là 33.859.089.785 đồng. Mặc dù dự án đã được bàn giao về hiện vật và tài chính nhưng trong năm 2015 và trong một số kỳ kế toán trước, Công ty đã ghi nhận bổ sung một số khoản chi phí đầu tư, công nợ phải thu và công nợ phải trả liên quan đến việc đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh trên Báo cáo tài chính.

Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc ghi nhận và hạch toán bổ sung một số khoản mục liên quan tới việc đầu tư và chuyển giao Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh nêu trên tới Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty. Số liệu bàn giao chính thức và kết quả của hoạt động chuyển nhượng này phụ thuộc vào số liệu quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án Nhà

máy Xi măng Cam Ranh đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và sự chấp thuận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài các vấn đề được nêu ở phần "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ" Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng tại ngày 31/12/2015 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan tới việc lập trình bày báo cáo tài chính.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 01 phần Cấu trúc Công ty, ngày 14/12/2015 Công ty đã ban hành các quyết định tạm ngừng hoạt động các chi nhánh kinh doanh xi măng tại miền Trung, Tây Nguyên bao gồm: chi nhánh Đăk lăk, chi nhánh Khánh Hòa, chi nhánh Phú Yên, chi nhánh Bình Định, chi nhánh Quảng Ngãi trong vòng 6 tháng kể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy kinh doanh.

Báo cáo kiểm toán này thay thế cho Báo cáo kiểm toán số 33/2016/BCKT-AVI-TC1 phát hành ngày 10/03/2016 do sau ngày công bố báo cáo kiểm toán, Công ty có các điều chỉnh lại một số số liệu liên quan đến giao dịch với các bên liên quan như đã trình bày tại thuyết minh số 28 trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính. Thông tin điều chỉnh này không làm thay đổi ý kiến của kiểm toán viên về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 được kiểm toán bởi một đơn vị kiểm toán khác. Trên các Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm 2014, kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến ngoại trừ liên quan đến hoạt động chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, bao gồm: chuyển giao nghĩa vụ nợ phải trả của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 chưa có cơ sở pháp lý, chênh lệch công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng và Kinh doanh Vật tư chưa được xử lý, chi phí và công nợ phải trả liên quan đến dự án chưa được phía Công ty cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác nhận. Một số vấn đề nêu trên đã được Công ty khắc phục, hoàn thiện trong năm 2015.

Vũ Bình Minh
Phó Tổng giám đốc
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 0034-2015-055-1

Bùi Quốc Trung
Kiểm toán viên
Số Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán 1937-2015-055-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT
Hà Nội, ngày 06 tháng 04 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**132.143.214.642**	**159.441.220.482**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**		**29.808.810.925**	**24.159.978.676**
1.	Tiền	111	5	29.808.810.925	24.159.978.676
II.	**Đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**-**	**20.000.000.000**
1.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	20.000.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**61.222.589.333**	**84.093.012.581**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	54.490.348.810	45.958.323.115
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.228.941.306	1.224.873.744
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	8	8.590.451.816	38.603.799.668
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(3.207.745.627)	(1.818.820.000)
5.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		120.593.028	124.836.054
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**7**	**38.044.647.296**	**27.504.615.718**
1.	Hàng tồn kho	141		38.300.273.164	27.504.615.718
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(255.625.868)	-
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**3.067.167.088**	**3.683.613.507**
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	48.490.000
2.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		3.058.816.678	3.510.528.736
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	8.350.410	124.594.771
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**28.375.442.260**	**32.612.559.691**
II.	**Tài sản cố định**	**220**	**10**	**28.212.080.329**	**32.158.003.786**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221		28.212.080.329	32.158.003.786
	- Nguyên giá	*222*		109.873.767.353	109.873.767.353
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		(81.661.687.024)	(77.715.763.567)
2.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	*228*		*150.000.000*	*150.000.000*
	- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(150.000.000)*	*(150.000.000)*
IV.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**53.836.000**	**134.496.426**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		53.836.000	134.496.426
VI.	**Tài sản dài hạn khác**	**260**		**109.525.931**	**320.059.479**
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		109.525.931	320.059.479
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**160.518.656.902**	**192.053.780.173**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01 - DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	01/01/2015
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**49.196.578.526**	**84.293.293.578**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**49.161.578.526**	**83.927.981.264**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	34.322.793.283	58.329.065.670
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		65.760.858	14.459.433.878
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.243.580.827	763.561.748
4.	Phải trả người lao động	314		5.268.521.387	4.630.078.717
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	13	1.270.119.995	1.724.566.672
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		125.049.999	367.213.634
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	14	6.753.582.127	3.541.890.895
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15	112.170.050	112.170.050
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**35.000.000**	**365.312.314**
1.	Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000	365.312.314
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**111.322.078.376**	**107.760.486.595**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**16**	**111.322.078.376**	**107.760.486.595**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		99.000.000.000	99.000.000.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	*411a*		*99.000.000.000*	*99.000.000.000*
2.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		725.357.511	725.357.511
3.	Quỹ đầu tư phát triển	418		16.096.851.573	16.096.851.573
4.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(4.500.130.708)	(8.061.722.489)
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	*421a*		*(8.470.722.489)*	*(8.061.722.489)*
	- LNST chưa phân phối kỳ này	*421b*		*3.970.591.781*	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**160.518.656.902**	**192.053.780.173**

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hòa Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 02- DN

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1.	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**17**	**541.496.176.223**	**697.826.767.878**
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	17	6.975.821.586	7.103.339.828
3.	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**10**		**534.520.354.637**	**690.723.428.050**
4.	Giá vốn hàng bán	11	18	500.141.299.935	673.048.299.281
5.	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**20**		**34.379.054.702**	**17.675.128.769**
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	1.554.234.987	1.676.202.733
7.	Chi phí tài chính	22	20	729.424.366	1.213.155.453
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*90.791.667*	*318.452.453*
8.	Chi phí bán hàng	25	21	12.891.713.822	12.936.038.817
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	21	18.458.865.460	16.079.262.949
10.	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**	**30**		**3.853.286.041**	**(10.877.125.717)**
11.	Thu nhập khác	31	23	36.513.004.359	17.868.669.934
12.	Chi phí khác	32	24	34.208.964.643	393.388.285
13.	**Lợi nhuận khác**	**40**		**2.304.039.716**	**17.475.281.649**
14.	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**	**50**		**6.157.325.757**	**6.598.155.932**
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	25	2.186.733.976	1.481.522.183
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**	**60**		**3.970.591.781**	**5.116.633.749**
18.	**Lãi cơ bản trên cổ phiếu**	**70**	**26**	**401**	**476**
19.	**Lãi suy giảm trên cổ phiếu**	**71**		**401**	**476**

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hòa Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

MẪU SỐ B 03 - DN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2015	Năm 2014
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	**6.157.325.757**	**6.598.155.932**
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	3.916.662.637	4.247.976.176
- Các khoản dự phòng	03	1.644.551.495	1.655.310.400
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.472.828.561)	(1.691.930.006)
- Chi phí lãi vay	06	90.791.667	318.452.453
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	**08**	**10.336.502.995**	**11.127.964.955**
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	22.048.708.040	18.092.302.833
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(10.795.657.446)	(1.256.707.104)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(35.035.623.555)	(7.952.213.271)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	259.023.548	277.949.106
- Tiền lãi vay đã trả	14	(90.791.667)	(96.819.222)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.007.825.473)	(392.640.346)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(619.739.180)	(354.213.401)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**(15.905.402.738)**	**19.445.623.550**
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư			
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	15.300.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(20.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	20.000.000.000	20.000.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.554.234.987	1.065.786.066
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**21.554.234.987**	**1.081.086.066**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	-	(24.234.555.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**-**	**(24.234.555.000)**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**5.648.832.249**	**(3.707.845.384)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**24.159.978.676**	**27.867.824.060**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**29.808.810.925**	**24.159.978.676**

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hòa Nam

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3203001458 ngày 01/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 8 số 0400101820 ngày 10/06/2015.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Vốn điều lệ của Công ty là 99.000.000.000 đồng, tương đương 9.900.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng trong đó:

- Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam sở hữu 6.514.700 cổ phần tương đương 65.147.000.000 đồng, chiếm 65,81% Vốn Điều lệ.
- Cổ đông khác sở hữu 3.385.300 cổ phần tương đương 33.853.000.000 đồng, chiếm 34,19% vốn Điều lệ.

Công ty đang thực hiện giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán: DXV

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2015 là 349 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất, kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và vật liệu xây dựng khác;
- Sản xuất vỏ bao xi măng, bao bì các loại;
- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, phụ tùng thiết bị, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh vận tải đường sắt, đường bộ và đường thủy;
- Đầu tư kinh doanh bất động sản, dịch vụ cho thuê nhà và văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Cấu trúc của Công ty bao gồm trụ sở chính số 15 Lê Hồng Phong, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng và các đơn vị trực thuộc sau:

STT	Đơn vị	Địa chỉ
1.	Xí nghiệp Sản xuất Vỏ bao Xi măng Đà Nẵng	Lô C4, đường số 9, KCN Hòa Khánh, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
2.	Xí nghiệp Gạch Tuynel Lai Nghi	Khối 7B, phường Điện Nam Đông, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam
3.	Nhà máy Gạch An Hòa	Thôn Mỹ Sơn, xã Duy Phú, huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam
4.	Chi nhánh Đăk lăk	Số 60, đường Nguyễn Chí Thanh, phường Tân An, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk
5.	Chi nhánh Khánh Hòa	Số 48 Cao Thắng, phường Phước Long, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa

6.	Chi nhánh Phú Yên	Số 12, đường Tản Đà, phường 1, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên
7.	Chi nhánh Bình Định	Số 197, đường Đống Đa, phường Thị Nại, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
8.	Chi nhánh Quảng Ngãi	Số 132, đường Quang Trung, phường Lê Hồng Phong, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
9.	Xí nghiệp KD Xi măng VLXD Đà Nẵng	Số 255, Phan Châu Trinh, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng

Ngày 14/12/2015, Công ty đã ban hành các quyết định tạm ngừng hoạt động các chi nhánh kinh doanh xi măng tại miền Trung, Tây Nguyên bao gồm: chi nhánh Đăk lăk, chi nhánh Khánh Hòa, chi nhánh Phú Yên, chi nhánh Bình Định, chi nhánh Quảng Ngãi trong vòng 6 tháng kể từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 nhằm sắp xếp lại tổ chức bộ máy kinh doanh.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Kể từ ngày 01/01/2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014 ("Thông tư 200") hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01/01/2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2014 (số liệu so sánh) đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

2. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Niên độ kế toán

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND)

3. CHUẨN MỰC VÃ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ một số thông tin liên quan đến lưu chuyển tiền tệ), theo nguyên tắc giá gốc, dựa trên giả thiết hoạt động liên tục.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở cộng ngang các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty và các Chi nhánh sau khi đã loại trừ các khoản phải thu, phải trả, các giao dịch giữa các đơn vị trong nội bộ Công ty.

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo, được ghi nhận phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán Việt Nam số 24 - Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính khác.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về

mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty liên kết được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về "Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp", Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC và các quy định kế toán hiện hành.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Các khoản phải thu và dự phòng phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ, phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác;
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu giữa Công ty và các Chi nhánh hạch toán phụ thuộc (nếu có);
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, bao gồm: Phải thu về lãi cho vay, lãi tiền gửi; các khoản đã chi hộ; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác; phải thu về tiền phạt, bồi thường; các khoản tạm ứng; cầm cố, ký cược, ký quỹ, cho mượn tài sản…

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là phải thu dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản phải thu được ghi nhận không vượt quá giá trị có thể thu hồi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ trên sáu thâng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị giải thể, phá sản hay các khó khăn tương tự phù hợp với quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho

được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành, chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi tăng nguyên giá của tài sản nếu chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, như:

- Thay đổi bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng thời gian sử dụng hữu ích, hoặc làm tăng công suất sử dụng của chúng; hoặc
- Cải tiến bộ phận của tài sản cố định hữu hình làm tăng đáng kể chất lượng sản phẩm sản xuất ra; hoặc
- Áp dụng quy trình công nghệ sản xuất mới làm giảm chi phí hoạt động của tài sản so với trước.

Các chi phí phát sinh để sửa chữa, bảo dưỡng nhằm mục đích khôi phục hoặc duy trì khả năng đem lại lợi ích kinh tế của tài sản theo trạng thái hoạt động tiêu chuẩn ban đầu, không thỏa mãn một trong các điều kiện trên, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản phù hợp với khung khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao cụ thể của các loại tài sản cố định như sau:

	Năm
Nhà cửa vật kiến trúc	05 - 50
Máy móc thiết bị	05 - 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị quản lý	03 - 10
Tài sản cố định khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm:

- Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 24 đến 36 tháng.
- Các chi phí trả trước dài hạn khác được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích của tài sản.

Các khoản dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn ba điều kiện sau:

(a) Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
(b) Có thể xảy ra sự giảm sút về những lợi ích kinh tế dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và
(c) Giá trị của nghĩa vụ nợ đó được một ước tính đáng tin cậy.

Dự phòng phải trả được ghi nhận dựa trên ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi ra để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này.

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

(a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
(b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
(c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
(e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

(a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
(b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
(c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng theo thông báo của ngân hàng.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chính lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ khi phát sinh trừ khi được

vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng để hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa hình thành nguyên giá của tài sản đó. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng trong thời gian quá trình đầu tư, sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu và cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào trạng thái sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Năm 2015, công ty đang áp dụng thuế suất thuế TNDN là 22%.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với công ty bao gồm cả Công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm giám đốc, viên chức Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

5. TIỀN

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tiền mặt	435.332.846	1.024.666.722
Tiền gửi ngân hàng	29.373.478.079	23.135.311.954
Cộng	**29.808.810.925**	**24.159.978.676**

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	**54.490.348.810**	**45.958.323.115**
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.414.495.079	13.826.159.999
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	13.660.545.603	5.856.336.880
Công ty Xi măng Nghi Sơn	2.552.000.500	2.582.800.500
Công ty TNHH Mai Hương	3.429.130.188	3.876.452.577
Công ty TNHH Nghĩa Nhân	3.511.777.535	3.511.777.535
Các khoản phải thu khách hàng khác	20.922.399.905	16.304.795.624
Phải thu khách hàng dài hạn	-	-
Cộng	**54.490.348.810**	**45.958.323.115**
Phải thu khách hàng là các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	10.414.495.079	13.826.159.999
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	13.660.545.603	5.856.336.880
Cộng	**24.075.040.682**	**19.682.496.879**

7. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng đang đi trên đường	5.713.940.856	-	5.871.080.787	-
Nguyên liệu, vật liệu	12.237.597.254	-	9.724.827.141	-
Công cụ, dụng cụ	407.869.892	-	332.794.001	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.039.673.305	-	2.470.991.536	-
Thành phẩm	2.403.142.401	-	3.601.200.074	-
Hàng hoá	14.498.049.456	(255.625.868)	5.099.682.179	-
Hàng gửi bán	-	-	404.040.000	-
Cộng	**38.300.273.164**	**(255.625.868)**	**27.504.615.718**	**-**

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Chi phí đầu tư phát sinh liên quan đến dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh sau ngày ký biên bản bàn giao 20/06/2013	7.481.954.056	-	34.581.158.927	-
Các khoản tạm ứng	456.743.252	-	691.270.353	-
Các khoản Ký cược, ký quỹ	12.000.000	-	1.412.000.000	-
Phải thu khác	639.754.508	-	1.919.370.388	-
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**8.590.451.816**	-	**38.603.799.668**	-

9. NỢ XẤU VÀ NỢ KHÓ ĐÒI

Đối tượng	31/12/2015				01/01/2015			
	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Số ngày quá hạn	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
		VND	VND	VND		VND	VND	VND
Công ty TNHH Nghĩa Nhân	1 - 3 năm	3.511.777.535	1.229.230.446	2.282.547.089	1 - 3 năm	3.511.777.535	1.934.853.954	1.576.923.581
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	135.410.200	-	135.410.200	Trên 3 năm	88.220.200	-	88.220.200
Các đối tượng khác	Dưới 3 năm	2.401.194.462	1.611.406.124	789.788.338	Dưới 3 năm	395.331.637	241.655.418	153.676.219
Cộng		**6.048.382.197**	**2.840.636.570**	**3.207.745.627**		**3.995.329.372**	**2.176.509.372**	**1.818.820.000**

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2015	**30.307.120.119**	**67.697.440.185**	**10.795.812.538**	**1.073.394.511**	**109.873.767.353**
Tại ngày 31/12/2015	**30.307.120.119**	**67.697.440.185**	**10.795.812.538**	**1.073.394.511**	**109.873.767.353**
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2015	**17.231.591.725**	**49.215.533.962**	**10.207.732.968**	**1.060.904.912**	**77.715.763.567**
Khấu hao trong năm	923.744.057	2.942.424.654	73.509.946	6.244.800	3.945.923.457
Tại ngày 31/12/2015	**18.155.335.782**	**52.157.958.616**	**10.281.242.914**	**1.067.149.712**	**81.661.687.024**
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2015	**13.075.528.394**	**18.481.906.223**	**588.079.570**	**12.489.599**	**32.158.003.786**
Tại ngày 31/12/2015	**12.151.784.337**	**15.539.481.569**	**514.569.624**	**6.244.799**	**28.212.080.329**

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình hết khấu hao vẫn sử dụng tại ngày 31/12/2015 là 30.122.265.818 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 28.700.064.717 đồng).

11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2015		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	**34.322.793.283**	**34.322.793.283**	**58.329.065.670**	**58.329.065.670**
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	13.845.768.121	13.845.768.121	13.161.320.308	13.161.320.308
Công ty Cổ phần Nhựa, Bao bì Ngân Hạnh	3.796.760.589	3.796.760.589	1.825.287.010	1.825.287.010
Công ty Cổ phần nhựa OPEC	3.894.000.000	3.894.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hóa phẩm Dầu khí DMC Miền Trung	-	-	4.830.000.000	4.830.000.000
Phải trả cho các đối tượng khác	12.786.264.573	12.786.264.573	38.512.458.352	38.512.458.352
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
Cộng	**34.322.793.283**	**34.322.793.283**	**58.329.065.670**	**58.329.065.670**
Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	-	-	88.667.019	88.667.019
Phải trả cho các đối tượng khác	5.015.518.006	5.015.518.006	29.122.231.975	29.122.231.975
Cộng	**5.015.518.006**	**5.015.518.006**	**29.210.898.994**	**29.210.898.994**
Phải trả người bán là các bên liên quan				
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	13.845.768.121	13.845.768.121	13.161.320.308	13.161.320.308
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	3.469.340.284	3.469.340.284	3.088.667.019	3.088.667.019
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	1.307.379.916	1.307.379.916	1.005.398.795	1.005.398.795
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	2.344.223.900	2.344.223.900	2.344.223.900	2.344.223.900
Cộng	**20.966.712.221**	**20.966.712.221**	**19.599.610.022**	**19.599.610.022**

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	01/01/2015	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	31/12/2015
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	763.137.598	7.117.716.723	6.697.018.762	1.183.835.559
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(119.927.761)	2.186.733.976	2.007.825.473	58.980.742
Thuế thu nhập cá nhân	(4.667.010)	37.934.826	41.277.850	(8.010.034)
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	1.576.831.164	1.576.831.164	-
Thuế khác	424.150	12.000.000	12.000.000	424.150
Cộng	**638.966.977**	**10.931.216.689**	**10.334.953.249**	**1.235.230.417**
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu nhà nước	*(124.594.771)*			*(8.350.410)*
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	*763.561.748*			*1.243.580.827*

13. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn	**1.270.119.995**	**1.724.566.672**
Trích trước chi phí vận chuyển bốc xếp	19.271.818	1.000.458.718
Trích trước phí tư vấn vay vốn CFC	308.990.000	308.990.000
Trích trước chi phí khuyến mại, chiết khấu	103.148.910	205.117.954
Trích trước chi phí tham quan du lịch	392.100.000	-
Chi phí phải trả khác	446.609.267	210.000.000
Dài hạn	-	-
Cộng	**1.270.119.995**	**1.724.566.672**

14. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	75.898.574	51.839.450
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	41.191.775	97.392.403
Phải trả về cổ phần hoá	-	1.783.000
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.636.491.778	3.390.876.042
- Cổ tức phải trả	*152.753.949*	*152.753.949*
- Phải trả tiền lãi ký cược cho Đại lý tiêu thụ Xi măng	*182.459.182*	*213.009.182*
- Phải trả lãi vay về Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	-	*534.377.228*
- Phải trả về Chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ	*207.026.702*	*160.918.033*
- Phải trả khác liên quan đến dự án Xi măng Cam Ranh	*3.342.329.865*	*1.907.711.635*
- Phải trả tiền phạt, lãi chậm trả	*2.203.877.573*	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	*548.044.507*	*422.106.015*
Cộng	**6.753.582.127**	**3.541.890.895**
Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	35.000.000	365.312.314
Cộng	**35.000.000**	**365.312.314**

15. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	31/12/2015		Trong năm		01/01/2015	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	**112.170.050**	**112.170.050**	-	-	**112.170.050**	**112.170.050**
Vay Hội hưu trí công ty	100.000.000	100.000.000	-	-	100.000.000	100.000.000
Vay đối tượng khác	12.170.050	12.170.050	-	-	12.170.050	12.170.050
Vay dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	**112.170.050**	**112.170.050**	-	-	**112.170.050**	**112.170.050**

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ Đầu tư Phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2014	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.096.851.573**	**(12.815.585.435)**	**103.006.623.649**
Lãi trong năm	-	-	-	5.116.633.749	5.116.633.749
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	(362.770.803)	(362.770.803)
Tại ngày 01/01/2015	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.096.851.573**	**(8.061.722.489)**	**107.760.486.595**
Lãi trong năm	-	-	-	3.970.591.781	3.970.591.781
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	(409.000.000)	(409.000.000)
Tại ngày 31/12/2015	**99.000.000.000**	**725.357.511**	**16.096.851.573**	**(4.500.130.708)**	**111.322.078.376**

Công ty phân phối lợi nhuận năm 2014 theo Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông số 528/NQ-ĐHĐCĐ ngày 18/4/2015,số tiền 409.000.000 đồng được trích toàn bộ vào Quỹ khen thưởng phúc lợi.

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	31/12/2015	01/01/2015	Tỷ lệ vốn góp
	VND	VND	
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	65.147.000.000	65.147.000.000	65,81%
Vốn góp của các đối tượng khác	33.853.000.000	33.853.000.000	34,19%
Cộng	**99.000.000.000**	**99.000.000.000**	**100%**

Cổ phiếu

	31/12/2015	01/01/2015
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.900.000	9.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	*9.900.000*	*9.900.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.900.000	9.900.000
- Cổ phiếu phổ thông	*9.900.000*	*9.900.000*
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
** Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: Đồng/cổ phiếu*	*10.000*	*10.000*

17. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	539.843.302.318	696.627.311.818
- Doanh thu bán Xi măng	*370.136.173.395*	*509.095.806.719*
- Doanh thu bán vỏ bao xi măng	*130.120.474.773*	*160.918.033.289*
- Doanh thu bán gạch, ngói	*39.586.654.150*	*26.613.471.810*
Doanh thu hoạt động khác	1.652.873.905	1.199.456.060
Cộng	**541.496.176.223**	**697.826.767.878**

Doanh thu với các bên liên quan

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Doanh thu bán vỏ bao xi măng		
Công ty Xi măng Vicem Hoàng Thạch	4.108.462.300	8.728.645.450
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Bỉm Sơn	18.207.247.550	26.568.113.820
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	35.094.349.800	35.547.095.000
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	38.778.194.997	37.232.471.816
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hà Tiên 1	-	23.606.229.060
Cộng	**96.188.254.647**	**131.682.555.146**

Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	6.975.821.586	7.103.339.828
Cộng	**6.975.821.586**	**7.103.339.828**

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	498.728.214.517	672.462.543.029
Giá vốn bán xi măng	*356.352.275.339*	*503.329.572.806*
Giá vốn bán vỏ bao xi măng	*114.112.415.176*	*147.636.471.480*
Giá vốn bán gạch ngói	*28.263.524.002*	*21.496.498.743*
Giá vốn hoạt động khác	282.064.932	585.756.252
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	255.625.868	-
Giá trị nguyên vật liệu hao hụt ngoài định mức (sau kiểm kê)	875.394.618	-
Cộng	**500.141.299.935**	**673.048.299.281**

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.554.234.987	1.676.202.733
Cộng	**1.554.234.987**	**1.676.202.733**

20. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lãi tiền vay	90.791.667	318.452.453
Lãi tiền ký cược phải trả cho đại lý	529.746.000	585.713.000
Phí tư vấn vay vốn CFC	-	308.990.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	108.886.699	-
Cộng	**729.424.366**	**1.213.155.453**

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
a) Chi phí bán hàng	**12.891.713.822**	**12.936.038.817**
Chi phí lương nhân viên	6.056.411.644	6.618.263.291
Chi phí công cụ, dụng cụ	210.999.611	383.919.300
Chi phí khấu hao tài sản cố định	419.129.607	542.324.942
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.309.086.088	3.563.616.496
Chi phí khác bằng tiền	1.896.086.872	1.827.914.788
b) Chi phí quản lý doanh nghiệp	**18.458.865.460**	**16.079.262.949**
Chi phí lương nhân viên	6.909.908.349	6.256.742.892
Chi phí công cụ, dụng cụ	409.089.492	569.201.119
Chi phí khấu hao tài sản cố định	166.415.664	166.315.632
Thuế, phí, lệ phí	3.619.201.457	2.221.999.290
Chi phí dự phòng	1.388.925.627	1.655.310.400
Chi phí dịch vụ mua ngoài	416.408.071	413.407.414
Chi phí khác bằng tiền	5.548.916.800	4.796.286.202
c) Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-
Cộng	**31.350.579.282**	**29.015.301.766**

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	112.690.485.716	142.152.646.045
Chi phí nhân công	30.967.855.632	29.590.350.705
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.950.947.952	4.247.976.176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.591.860.734	9.396.442.555
Chi phí khác bằng tiền	14.380.537.266	12.198.389.868
Cộng	**173.581.687.300**	**197.585.805.349**

23. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Thu nhập từ chuyển nhượng dự án Cam Ranh (*)	30.780.990.714	-
Thu nhập từ bán phế liệu	1.131.798.535	1.412.737.896
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	15.727.273
Thu nhập từ thuê kho, cửa hàng	2.275.611.351	1.607.708.974
Thu nhập từ tiền khuyến mại xi măng của nhà cung cấp	1.791.595.176	14.407.345.644
Thu nhập khác	533.008.583	425.150.147
Cộng	**36.513.004.359**	**17.868.669.934**

(*) Thu nhập từ việc ghi nhận giá trị chuyển nhượng dự án Cam Ranh theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (Thuyết minh số 30).

24. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng dự án Cam Ranh (*)	30.780.990.714	-
Chi phí khuyến mại cho khách hàng	121.341.377	56.329.114
Tiền phạt và lãi chậm trả do thanh toán chậm	2.338.351.180	-
Chi phí phạt chậm nộp thuế	431.189.712	58.035.809
Chi phí khác	537.091.660	279.023.362
Cộng	**34.208.964.643**	**393.388.285**

(*) Chi phí từ việc ghi nhận giá trị chuyển nhượng dự án Cam Ranh theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015 giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 (Thuyết minh số 30).

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lợi nhuận trước thuế	**6.157.325.757**	**6.598.155.932**
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Cộng:		
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	78.000.000	78.000.000
- Các khoản chi phí không được trừ khác	1.306.584.330	58.035.809
Thu nhập chịu thuế	**7.541.910.087**	**6.734.191.741**
Thuế suất	22%	22%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	1.659.220.219	1.481.522.183
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu theo Quyết định của cơ quan thuế	527.513.757	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	**2.186.733.976**	**1.481.522.183**

26. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2015	Năm 2014
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.970.591.781	5.116.633.749
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.970.591.781	5.116.633.749
Trừ: số trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(409.000.000)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	9.900.000	9.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	**401**	**476**

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2014 số tiền 409.000.000 đồng là số trích thực tế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 18/04/2015 (Thuyết minh số 16). Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2014 được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của việc trích quỹ khen thưởng phúc lợi này.

27. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ 31/12/2015	Giá trị ghi sổ 01/01/2015
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.808.810.925	24.159.978.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.873.054.999	82.743.302.783
Đầu tư ngắn hạn	-	20.000.000.000
Cộng	**89.681.865.924**	**126.903.281.459**
Công nợ tài chính		
Các khoản vay	112.170.050	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	41.111.375.410	62.236.268.879
Chi phí phải trả	1.270.119.995	1.724.566.672
Công nợ tài chính khác	-	-
Cộng	**42.493.665.455**	**64.073.005.601**

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng và bán hàng. Công ty chưa sử dụng các công cụ tài chính phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khâch hăng hoặc đối tâc không đâp ứng được câc nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến câc tổn thất tăi chính cho Công ty. Công ty có chính sâch tín dụng phù hợp vă thường xuyín theo dõi tình hình để đânh giâ xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

Công ty đã áp dụng quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009 để trích lập dự phòng cho các khoản phải thu quá hạn. Theo đó, mức trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi tại ngày 31/12/2015 là 3.207.745.627 đồng (tại ngày 31/12/2014 là 1.818.820.000 đồng).

Rủi ro thanh khoản

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Các khoản vay	112.170.050	-	-	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	41.111.375.410	-	-	41.111.375.410
Chi phí phải trả	1.270.119.995	-	-	1.270.119.995
Tại 01/01/2015				
Các khoản vay	112.170.050	-	-	112.170.050
Phải trả người bán và phải trả khác	62.236.268.879	-	-	62.236.268.879
Chi phí phải trả	1.724.566.672	-	-	1.724.566.672

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tại 31/12/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	29.808.810.925	-	-	29.808.810.925
Phải thu khách hàng và phải thu khác	59.873.054.999	-	-	59.873.054.999
Tại 01/01/2015				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.159.978.676	-	-	24.159.978.676
Phải thu khách hàng và phải thu khác	82.743.302.783	-	-	82.743.302.783
Đầu tư ngắn hạn	20.000.000.000	-	-	20.000.000.000

28. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Công ty có các bên liên quan sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	Cổ đông chiếm 65,81% vốn điều lệ (Công ty mẹ)
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	Công ty con cùng tập đoàn
Công ty Tư vấn Đầu tư Phát triển Xi măng	Công ty con cùng tập đoàn

Ngoài các giao dịch và số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của Báo cáo tài chính này, trong kỳ Công ty có giao dịch với các bên liên quan sau:

Mua hàng

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	49.233.041.462	76.950.711.762
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	238.366.984.238	315.088.553.756
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8.683.424.472	7.337.885.144
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	5.205.731.822
Cộng	**296.283.450.172**	**404.582.882.484**

Phí tư vấn chuyển giao công nghệ

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	459.570.111	589.122.763

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

	Năm 2015	Năm 2014
	VND	VND
Lương và các quyền lợi gộp khác (Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban giám đốc)	769.096.010	750.830.531

Các khoản phải trả khác

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	1.514.406.618	1.700.694.056
Trong đó:		
- Tiền lãi vay phải trả	-	*534.377.228*
- Phải trả về Chi phí tư vấn chuyển giao công nghệ	*207.026.702*	*160.918.033*

Thuyết minh bổ sung giải trình thay đổi thông tin

Tại báo cáo tài chính phát hành ngày 10/03/2016 của Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng, Công ty đã trình bày nhầm lẫn thông tin về giao dịch mua hàng và giao dịch phí tư vấn chuyển giao công nghệ với bên liên quan trong năm. Ban giám đốc Công ty quyết định phát hành báo cáo mới này hiệu chỉnh các thông tin nói trên. Cụ thể như sau:

Mua hàng

	Số mới	Số cũ
	VND	VND
Công ty Cổ phần Xi măng Bỉm Sơn	49.233.041.462	22.214.109.520
Công ty TNHH MTV Xi măng Vicem Hoàng Thạch	238.366.984.238	150.607.652.496
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân	8.683.424.472	3.092.302.531
Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hoàng Mai	-	-
Cộng	**296.283.450.172**	**175.914.064.547**

Phí tư vấn chuyển giao công nghệ

	Số mới	Số cũ
	VND	VND
Tổng công ty Công nghiệp Xi măng Việt nam	459.570.111	257.513.795

29. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc niên độ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho kỳ hoạt động này.

30. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh.

Thực hiện hợp đồng 01-2011/HT1-ĐN ngày 23/01/2011 và các phụ lục Hợp đồng số 01 ngày 01/07/2011, số 02 ngày 11/10/2012 được ký giữa Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 về việc chuyển nhượng Dự án và vốn đầu tư Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh từ Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng sang Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1, ngày 20/06/2013 hai Công ty đã ký Biên bản về việc bổ sung Biên bản bàn giao tài chính ngày 11/10/2012. Thời điểm chốt số liệu tài chính để hiệu chỉnh và bàn giao là 24h ngày 18/08/2011, giá trị tài sản bàn giao và nguồn vốn thực hiện tạm tính là 477.981.239.681 đồng; thu nhập từ hoạt động chuyển nhượng Dự án bằng không.

Theo Biên bản họp ngày 01/07/2013 Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng xem xét và ký biên bản bàn giao bổ sung nếu có gói thầu nào đến thời điểm 24h ngày 18/08/2011 chưa có trong nội dung bàn giao của Biên bản bàn giao tài chính.

Ngày 18/08/2015, Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng và Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 đã ký Biên bản bàn giao tài chính lần 2 về việc bàn giao tài chính bổ sung cho hợp đồng chuyển nhượng dự án và vốn đầu tư thuộc Nhà máy xi măng Cam Ranh với tổng giá trị bàn giao đợt này là 33.859.089.785 đồng (giá trị đã bao gồm thuế GTGT). Công ty Cổ phần Vicem Vật liệu Xây dựng Đà Nẵng đã ghi nhận vào thu nhập khác, chi phí khác của năm 2015 với cùng số tiền (Thuyết minh số 24, 25).

Căn cứ vào biên bản bàn giao lần đầu, Công ty đã hạch toán chuyển giao một số đối tượng nợ phải trả cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 với tổng số tiền 14.489.476.609 đồng. Chi tiết số dư công nợ phải trả nhà cung cấp đã bàn giao cho Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 như sau:

Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holdings:	10.118.307.093 đồng
Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang:	1.662.991.300 đồng
Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh:	252.174.000 đồng
Công ty Cổ phần Lilama 5:	2.456.004.216 đồng

Trong năm 2015 và đến thời điểm lập báo cáo tài chính này, công nợ với các nhà thầu nói trên đã được Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1 xác nhận bằng các văn bản:

- Công nợ với Liên danh Công ty TNHH Xây dựng Khánh Ninh và Công ty Cổ phần Xây dựng Vinashin Nha Trang và Công ty Cổ phần Lilama 5 đã được thanh toán hết theo Biên bản bàn giao bổ sung lần 2;

- Công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding đã được 3 bên ký Biên bản thống nhất thanh toán công nợ 3 bên ngày 19/02/2016, theo đó, Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 có nghĩa vụ thanh toán và đối trừ công nợ với Công ty Cổ phần Xây dựng Phục Hưng Holding;

- Công nợ với Công ty Cổ phần Đô thị Cam Ranh đã được Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1 xác nhận thanh toán tại ngày 29/03/2012.

Mặc dù đã ký biên bản bàn giao bổ sung lần 1 ngày 20/06/2013 và biên bản bàn giao bổ sung lần 2 ngày 18/08/2015, Công ty vẫn ghi nhận trên Báo cáo tài chính phần chi phí đầu tư bổ sung, công nợ phải thu và công nợ phải trả của Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh, cụ thể: Chi phí đầu tư bổ sung của Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Các khoản phải thu ngắn hạn khác" (Mã số 136 trên Bảng Cân đối kế

toán) tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 với số tiền lần lượt là 7.481.954.056 đồng và 34.299.576.544 đồng; Các khoản phải thu nhà thầu liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu "Trả trước cho người bán ngắn hạn" (Mã số 132 trên Bảng Cân đối kế toán) với số tiền tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 lần lượt là 209.251.625 đồng và 587.922.625 đồng; Các khoản công nợ phải trả liên quan đến Dự án được Công ty theo dõi tại chỉ tiêu " Phải trả người bán ngắn hạn" (Mã số 311 trên Bảng Cân đối kế toán) với số tiền tại ngày 31/12/2015 à1/01/2015 lần lượt là 4.069.547.383 đồng và 29.212.330.156 đồng, tại chỉ tiêu "Phải trả ngắn hạn khác" (Mã số 319 trên Bảng Cân đối kế toán) tại ngày 31/12/2015 và 01/01/2015 số tiền 3.342.329.865 đồng và 1.907.711.635 đồng. Chi tiết:

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Các khoản phải thu khác - Chi phí đầu tư của các nhà thầu		
Công ty KT&CN xi măng Khải Thinh Nam Kinh	280.343.809	-
Công ty Bảo minh Khánh Hòa	86.103.332	-
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	9.172.345.455
Công ty Cổ phần Tư vấn và Kiểm định Xây dựng VN	-	12.920.221
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng	3.127.915.580	4.380.928.318
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.384.385.000	2.384.385.000
Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC	11.107.879	11.107.879
Công ty TNHH Khánh Ninh	-	1.109.850.908
Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V	883.293.911	17.228.038.763
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	274.528.292	-
Tổng công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn Hàng hải Miền Nam	400.685.032	-
Khác	33.591.221	-
Cộng	**7.481.954.056**	**34.299.576.544**

	31/12/2015 VND	01/01/2015 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty TNHH Hãng Kiểm Toán AASC	1.690.583	111.690.583
Cty CP Tư vấn XD Công nghiệp & đô thị VN	59.351.850	59.351.850
Công ty Cổ phần Xây Dựng Phục Hưng HOLDINGS	148.209.192	148.209.192
Công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn HH Miền Nam	-	248.000.000
Hội đồng đền bù HT Tái định Cư Cam Ranh	-	20.671.000
Cộng	**209.251.625**	**587.922.625**

	31/12/2015	01/01/2015
	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn		
Cơ quan chủ nhiệm Công binh - Quân khu V	816.100	816.100
Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Cảng đường thuỷ	92.565.700	92.565.700
Công ty Vạn Tường	88.582.450	88.629.450
Công ty TNHH 79	-	59.912.400
Công ty TNHH MTV Xây lắp & VLXD V	-	10.492.638.486
Công ty Cổ phần Lilama 5	-	5.656.590.800
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng số 5 Hải Phòng	-	2.591.375.800
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư phát triển Xi Măng	2.344.223.900	2.344.223.900
Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam	1.307.379.916	1.005.398.795
Công ty Cổ phần Bình Minh	13.040.000	13.040.000
Công ty TNHH Minh Phát	-	1.939.214.900
Công ty CP Tư vấn và Kiểm định Xây dựng VN	30.185.781	30.185.781
Cty KT&CN xi măng Khải Thinh Nam Kinh	-	4.897.738.044
Công ty TNHH MTV Bảo đảm an toàn HH Miền Nam	192.753.536	-
Cộng	**4.069.547.383**	**29.212.330.156**

Hiện tại, Dự án Nhà máy Xi măng Cam Ranh vẫn đang trong quá trình kiểm toán quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành. Do đó, Công ty tạm thời ghi nhận một phần tài sản và nợ phải trả còn lại của Dự án chưa được bàn giao trên Báo cáo tài chính. Số liệu bàn giao cuối cùng về Dự án Nhà máy xi măng Cam Ranh cũng như lãi hoặc lỗ từ hoạt động chuyển nhượng dự án phụ thuộc vào kết quả kiểm toán quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của Dự án này và sự chấp nhận cuối cùng của các bên liên quan đến Dự án bàn giao.

31. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014 đã được kiểm toán. Kể từ ngày 01/01/2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 ("Thông tư 200"), hướng dẫn Chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Theo đó, một số số liệu đầu năm trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015 đã được phân loại lại để có thể so sánh được với số liệu tương ứng trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

Một số chỉ tiêu thay đổi theo Thông tư 200

Bảng cân đối kế toán	Mã số	31/12/2014	01/01/2015	Ảnh hưởng
		VND	VND	VND
Tài sản				
Phải thu ngắn hạn khác	136	36.500.529.315	38.603.799.668	2.103.270.353
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	-	124.836.054	124.836.054
Tài sản ngắn hạn khác	155	2.228.106.407	-	(2.228.106.407)
Cộng		**38.728.635.722**	**38.728.635.722**	-
Nguồn vốn				
Quỹ đầu tư phát triển	417	15.178.555.289	16.096.851.573	(918.296.284)
Quỹ dự phòng tài chính	418	918.296.284	-	918.296.284
Cộng		**16.096.851.573**	**16.096.851.573**	-

Đà Nẵng, ngày 06 tháng 04 năm 2016

Người lập	Kế toán trưởng	Giám đốc
Nguyễn Thị Thu Hằng	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Nguyễn Hòa Nam